

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHƯỚC LONG  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2021/DS-ST  
Ngày: 11/11/2021  
*V/v tranh chấp hui.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lư Trường Lâm**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **Trần Văn Phước**

Bà **Dương Thị Tú Phương**

*Thư ký phiên tòa:* Ông **Danh Văn An** – Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 326/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc “tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thanh T**, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp X, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1981 và chị **Hồ Thị Tuyết O**, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp P, xã PL, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

*Chị T có mặt; anh V, chị O vắng mặt lần thứ hai.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thanh T trình bày:**

Chị Lê Thanh T làm chủ dây hui mở lần đầu ngày 01/11/2019 âm lịch, loại hui 1.000.000đ, 15 ngày mở hui một lần, có tất cả 48 phần (chung) hui; anh V, chị O tham gia 02 phần hui. Tại lần mở hui thứ nhất ngày 01/11/2019 âm lịch, anh V, chị O hót 01 phần hui được số tiền 31.140.000đ; lần mở hui thứ 2 hót phần hui còn lại được số tiền 30.070.000đ; chị T đã giao đủ tiền hót hui cho chị O, anh V. Sau khi hót hui, anh V, chị O đóng hui chết đến hết lần mở hui thứ 15 thì ngưng không đóng hui nữa; chị T phải xuất tiền ra thực hiện thay nghĩa vụ cho anh V, chị O

trong 33 lần mở hội. Chị T yêu cầu đóng hội nhiều lần và chị O có lập Giấy nhận nợ đề ngày 18/7/2020 thừa nhận thiếu tiền hội, cho chị T giữ.

Dây hội đã mất, do đó chị T yêu cầu anh V, chị O trả tiền hội chết đối với 02 phần hội với số tiền 66.000.000đ; chị T không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

**Chị Hồ Thị Tuyết O là bị đơn trình bày:**

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/11/2021, chị O thừa nhận chị có tham gia 02 phần hội, hót hội và đóng hội chết đúng như lời trình bày của chị T; số tiền hót hội được chị và anh V sử dụng chung trong việc mua bán của vợ chồng. Chị O thừa nhận còn thiếu chủ hội 33 kỳ hội chết và đồng ý trả số tiền 66.000.000đ, nhưng do điều kiện bị bệnh và kinh tế khó khăn nên chị xin được trả nhiều lần.

Anh Nguyễn Văn V là bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tham gia phiên họp, hòa giải nhưng vắng mặt; Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của anh V đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án lập biên bản không hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là phù hợp quy định của pháp luật.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:**

+ *Về tố tụng*: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn chưa chấp hành khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án*: chị O thừa nhận thiếu tiền hội của chị T 66.000.000đ và ký vào giấy xác nhận nợ ngày 18/7/2020; thừa nhận đây là nợ chung của vợ chồng. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc anh V, chị O trả cho chị T số tiền nợ hội 66.000.000đ.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị T yêu cầu giải quyết tranh chấp hội, bị đơn có địa chỉ thường trú tại huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, chị O và anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị O và anh V là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị T yêu cầu anh V, chị O trả 33 kỳ hội chết trong dây hội mở lần đầu ngày 01/11/2019 âm lịch với tổng số tiền 66.000.000đ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/11/2021, chị O trình bày: chị và anh V có tham gia 02 phần hội trong dây hội do chị T làm chủ hội, mở lần đầu

ngày 09/11/2019 âm lịch; vợ chồng chị đã hót hết 02 phần hui làm vốn mua bán trong gia đình, sau đó đóng hui chét lại cho chủ hui đến lần mở hui thứ 15; từ lần mở hui thứ 16 đến khi mãn hui thì không có đóng hui. Chị O thừa nhận có ký tên vào Giấy nhận nợ ngày 18/7/2020; chị O thừa nhận còn thiếu và đồng ý trả cho chị T số tiền nợ hui là 66.000.000đ. Anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh V không có ý kiến gì về yêu cầu của chị T; như vậy, cho thấy anh V đã thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với chị T. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hui, họ, biêu, phường quy định:

***“Điều 24. Trách nhiệm của thành viên không góp phần họ***

*Trường hợp đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì thành viên đó có trách nhiệm đối với chủ họ như sau:*

*1. Hoàn trả số tiền mà chủ họ đã góp thay cho thành viên”.*

Chị O thừa nhận đây hui đã mãn hui, chị T đã đóng hui thay cho vợ chồng chị đến khi mãn hui. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T để buộc chị O, anh V có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền nợ hui 66.000.000đ.

[4] Khi khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu chị O, anh V trả tiền gốc, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự khi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] *Về án phí:* Hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí 1.650.000đ tại lai thu số 0009741 ngày 25/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Chị O, anh V phải nộp án phí dân sự có giá ngạch (66.000.000đ x 5%) là 3.300.000đ.

*Vì các lẽ trên:*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 468, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Điều 16, 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của chính phủ về họ, hui, biêu, phường;

**Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thanh T đòi nợ hui đối với chị Hồ Thị Tuyết O và anh Nguyễn Văn V.

Buộc chị Hồ Thị Tuyết O và anh Nguyễn Văn V có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thanh T số tiền 66.000.000đ (Sáu mươi sáu triệu đồng).

2/ Về án phí: Hoàn trả cho chị Lê Thanh T số tiền tạm ứng án phí 1.650.000đ tại lai thu số 0009741 ngày 25/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Chị Hồ Thị Tuyết O và anh Nguyễn Văn V phải nộp án phí dân sự có giá ngạch là 3.300.000đ.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

3/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Lư Trường Lâm**